

Số: 426 /TB-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO
Về việc các lớp có kết quả rèn luyện xếp loại yếu $\geq 10\%$
HKI/2018-2019

Căn cứ Quyết định 658/QĐ-LTT-CTCT ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định Đánh giá kết quả rèn luyện đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Thông kê kết quả rèn luyện Học kỳ I năm học 2018-2019 bậc đào tạo Trung cấp và Cao đẳng (Danh sách đính kèm).

Nhà trường yêu cầu các Thầy (Cô) là giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập (GVCN/CVHT) có tên trong danh sách đính kèm lập báo cáo, ghi rõ các nguyên nhân dẫn đến kết quả số HSSV xếp loại rèn luyện yếu $\geq 10\%$ so với tổng số HSSV của lớp, từ đó có cơ sở để đề ra các biện pháp khắc phục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường;

Đề nghị báo cáo của Thầy (Cô) gửi về phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên (Ông Lê Xuân Thiện qua Egov) trước 16h00 ngày 07/5/2019 để tổng hợp báo cáo Ban Giám hiệu.

Đề nghị quý Thầy (Cô) GVCN/CVHT có tên trong danh sách thực hiện nghiêm túc thông báo này./. *th*

Nơi nhận:

- GVCN/CVHT (để thực hiện);
- Trường, phó khoa;
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Lưu: VT, CTCT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018-2019
Bậc đào tạo: Cao đẳng

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	16CĐ-ĐTCN1	43		12	31	0	0,00	2	4,65	2	4,65	34	79,07	5	11,63	Nguyễn Trần Thanh Nhân
2	16CĐ-ĐL3	35		11	24	0	0,00	0	0,00	1	2,86	27	77,14	7	20,00	Võ Phước Quang
3	17C1-ĐCN2	50		10	40	0	0,00	0	0,00	2	4,00	34	68,00	14	28,00	Đỗ Huỳnh Thanh Phong
4	17C1-ĐĐT1	38	1	12	26	0	0,00	0	0,00	1	2,63	31	81,58	6	15,79	Trần Công Tiến
5	17C1-ĐĐT2	42	2	6	36	5	11,90	2	4,76	1	2,38	29	69,05	5	11,90	Võ Cường
6	17C1-ĐĐT3	30		3	27	0	0,00	2	6,67	2	6,67	19	63,33	7	23,33	Nguyễn Hồng Đức
7	17C1-ĐĐT4	37	1	10	27	0	0,00	2	5,41	3	8,11	22	59,46	10	27,03	Phạm Minh nghĩa
8	17C1-CĐT1	48		10	38	0	0,00	0	0,00	1	2,08	42	87,50	5	10,42	Ngô Phong Cường
9	17C1-TĐH1	45		13	32	1	2,22	0	0,00	3	6,67	33	73,33	8	17,78	Lê Tiến Đạt
10	17C1-KML1	43	1	13	30	0	0,00	1	2,33	0	0,00	37	86,05	5	11,63	Hồ Minh Lợi
11	17C1-KML2	26		5	21	0	0,00	1	3,85	4	15,38	16	61,54	5	19,23	Phạm Thị Lê Chi
12	17C1-CNL1	49		17	32	0	0,00	2	4,08	3	6,12	36	73,47	8	16,33	Hoàng Văn Việt
13	17C1-CCK6	41		7	34	0	0,00	0	0,00	2	4,88	31	75,61	8	19,51	Hà Nhật Thanh
14	17C1-CCK8	37		6	31	0	0,00	0	0,00	5	13,51	27	72,97	5	13,51	Nguyễn Thanh Vũ
15	17C1-CNÔ5	41		15	26	0	0,00	0	0,00	3	7,32	33	80,49	5	12,20	Nguyễn Thị Ngọc Anh
16	17C1-CNÔ9	42		8	34	3	7,14	0	0,00	4	9,52	30	71,43	5	11,90	Nguyễn Thị Thanh Hòa
17	17C1-CNÔ13	43	1	5	38	2	4,65	1	2,33	1	2,33	34	79,07	5	11,63	Nguyễn Anh Tuấn
18	17C1-CNÔ14	38		11	27	0	0,00	3	7,89	4	10,53	24	63,16	7	18,42	Võ Thị Hồng Lan
19	17C1-ANM1	19		11	8	0	0,00	0	0,00	1	5,26	12	63,16	6	31,58	Nguyễn Văn Đôn
20	17C1-THU1	20	1	6	14	0	0,00	0	0,00	3	15,00	15	75,00	2	10,00	Nguyễn Tất Thắng
21	17C1-LTM1	25	1	8	17	0	0,00	0	0,00	5	20,00	15	60,00	5	20,00	Đỗ Tuấn Việt
22	17C1-KTD1	49	38	26	23	1	2,04	2	4,08	5	10,20	35	71,43	6	12,24	Phạm Quỳnh Như
23	17C1-QTD1	39	20	20	19	6	15,38	0	0,00	7	17,95	22	56,41	4	10,26	Võ Thị Kim Thư
24	18C1-ĐCN3	50		3	47	1	2,00	1	2,00	5	10,00	33	66,00	10	20,00	Nguyễn Minh Đức Cường
25	18C1-ĐĐT2	48	1	9	39	1	2,08	4	8,33	5	10,42	33	68,75	5	10,42	Trần Thị Thu Hà
26	18C1-CĐT2	47	1	12	35	0	0,00	2	4,26	2	4,26	34	72,34	9	19,15	Đặng Đức Minh
27	18C1-TĐH2	36		12	24	1	2,78	1	2,78	1	2,78	23	63,89	10	27,78	Nguyễn Thị Tổ Nga

S TT	LỚP	SĨ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
28	18C1-CCK5	57		15	42	0	0,00	1	1,75	14	24,56	36	63,16	6	10,53	Nguyễn Duy Hải
29	18C1-CCK7	56		12	44	0	0,00	1	1,79	4	7,14	41	73,21	10	17,86	Nguyễn Hồng Phúc
30	18C1-CCK8	56		13	43	0	0,00	1	1,79	3	5,36	34	60,71	18	32,14	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc
31	18C1-CTM1	53		9	44	0	0,00	0	0,00	6	11,32	36	67,92	11	20,75	Nguyễn Thanh Giang
32	18C1-CTM2	23	1	3	20	0	0,00	2	8,70	4	17,39	14	60,87	3	13,04	Giang Phi Hùng
33	18C1-CKL1	32		11	21	0	0,00	0	0,00	1	3,13	26	81,25	5	15,63	Võ Minh Quang
34	18C1-BCN1	32		6	26	0	0,00	0	0,00	3	9,38	23	71,88	6	18,75	Nguyễn Chí Nhân
35	18C1-CNÔ4	50		10	40	0	0,00	1	2,00	3	6,00	41	82,00	5	10,00	Lê Văn Bình
36	18C1-CNÔ5	49	1	14	35	0	0,00	1	2,04	0	0,00	38	77,55	10	20,41	Nguyễn Thanh Tú
37	18C1-CNÔ7	49		14	35	0	0,00	0	0,00	3	6,12	40	81,63	6	12,24	Nguyễn Văn Thành
38	18C1-CNÔ9	54		26	28	0	0,00	0	0,00	4	7,41	41	75,93	9	16,67	Nguyễn Thị Thủy
39	18C1-CNÔ14	49	1	9	40	0	0,00	0	0,00	1	2,04	37	75,51	11	22,45	Nguyễn Văn Sơn
40	18C1-CNÔ15	45		15	30	0	0,00	0	0,00	4	8,89	35	77,78	6	13,33	Lương Minh Dũng
41	18C1-CNÔ18	50		7	43	0	0,00	2	4,00	1	2,00	42	84,00	5	10,00	Trần Thế Sơn
42	18C1-CNÔ19	45	1	9	36	0	0,00	0	0,00	3	6,67	29	64,44	13	28,89	Huỳnh Thị Mai
43	18C1-CMT1	38		16	22	0	0,00	1	2,63	5	13,16	18	47,37	14	36,84	Trần Vĩnh Xuyên
44	18C1-TMĐ1	15	2	7	8	0	0,00	0	0,00	5	33,33	8	53,33	2	13,33	Nguyễn Văn Minh
45	18C1-LTM1	53	2	26	27	0	0,00	0	0,00	0	0,00	41	77,36	12	22,64	Võ Anh Trang
46	18C1-LTM2	47		19	28	0	0,00	0	0,00	2	4,26	30	63,83	15	31,91	Nguyễn Nguyễn Hoàng Ngọc Quyên
47	18C1-QTM1	52	4	21	31	0	0,00	0	0,00	2	3,85	38	73,08	12	23,08	Nguyễn Sanh Cường
48	18C2-ĐĐT1	72		38	34	0	0,00	0	0,00	3	4,17	31	43,06	38	52,78	Nguyễn Ngọc Trang
49	18C2-CNÔ1	47		27	20	0	0,00	2	4,26	11	23,40	27	57,45	7	14,89	Sỹ Thị Chung
50	18C2-QTM1	44	2	34	10	0	0,00	4	9,09	10	22,73	20	45,45	10	22,73	Nguyễn Thị Khánh Thu
TỔNG		2129	82	642	1487	21	0,99	42	1,97	168	7,89	1487	69,84	411	19,30	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



Lê Xuân Thiện

HIỆU TRƯỞNG




Phạm Hữu Lộc

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018-2019
Bậc đào tạo: Trung cấp

S TT	LỚP	SỐ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	16TC-Ô1	39		28	11	0	0,00	0	0,00	10	25,64	18	46,15	11	28,21	Triệu Phú Nguyên
2	16TC-MTT	26	24	21	5	0	0,00	0	0,00	2	7,69	21	80,77	3	11,54	Lâm Thị Phương Thùy
3	16TC-QTM	25	1	21	4	0	0,00	1	4,00	1	4,00	18	72,00	5	20,00	Trần Thị Diễm Thúy
4	16TCN-Đ	35		23	12	0	0,00	1	2,86	1	2,86	25	71,43	8	22,86	Lê Minh Phong
5	16TCN-QTM1	48	2	43	5	0	0,00	2	4,17	7	14,58	34	70,83	5	10,42	Trịnh Khắc Vũ
6	16TCN-KTD	22	22	20	2	0	0,00	1	4,55	6	27,27	9	40,91	6	27,27	Lưu Thị Thúy
7	17T4-ĐCN1	25		22	3	0	0,00	1	4,00	0	0,00	19	76,00	5	20,00	Cao Thị Nga
8	17T4-ĐCN2	31		22	9	0	0,00	0	0,00	3	9,68	20	64,52	8	25,81	Nguyễn Thùy Dương
9	17T4-ĐĐT1	40		38	2	0	0,00	0	0,00	2	5,00	25	62,50	13	32,50	Ngô Hoàng Anh
10	17T4-ĐTC1	18	1	14	4	0	0,00	0	0,00	1	5,56	9	50,00	8	44,44	Tăng Cẩm Huê
11	17T4-LĐL1	33		33	0	0	0,00	0	0,00	1	3,03	13	39,39	19	57,58	Đặng Thế Huân
12	17T4-CKL1	17		13	4	0	0,00	0	0,00	0	0,00	12	70,59	5	29,41	Nguyễn Văn Đông
13	17T4-CCK1	34		28	6	0	0,00	0	0,00	1	2,94	24	70,59	9	26,47	
14	17T4-CNÔ1	40		32	8	0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	50,00	20	50,00	Phan Anh Tuấn Kiệt
15	17T4-CNÔ2	40		31	9	0	0,00	0	0,00	3	7,50	25	62,50	12	30,00	Nguyễn Ngọc Quỳnh
16	17T4-CNÔ4	31		25	6	0	0,00	0	0,00	0	0,00	14	45,16	17	54,84	Dương Đức Kiên
17	17T4-CNM1	38	32	26	12	0	0,00	1	2,63	2	5,26	31	81,58	4	10,53	Nguyễn Thị Dinh
18	17T4-CMT1	22		20	2	0	0,00	1	4,55	0	0,00	14	63,64	7	31,82	Bùi Thành Dũng
19	17T4-TKW1	23		22	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	18	78,26	5	21,74	Đinh Thị Huyền
20	17T4-THU1	52	14	44	8	0	0,00	2	3,85	2	3,85	32	61,54	16	30,77	Đặng Thị Nhật Minh
21	17T4-QTM1	51	3	45	6	0	0,00	1	1,96	4	7,84	21	41,18	25	49,02	Phạm Thị Thu Nga
22	17T4-KTD1	39	33	33	6	0	0,00	0	0,00	1	2,56	33	84,62	5	12,82	Lê Thị Thu Thảo
23	17T4-NNA1	67	38	65	2	0	0,00	2	2,99	1	1,49	38	56,72	26	38,81	Lê Nguyễn Mỹ Trâm
24	18T4-ĐCN1	32		22	10	0	0,00	0	0,00	5	15,63	22	68,75	5	15,63	Vũ Hạnh Chiêu

S TT	LỚP	SỈ SỐ				KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ
		TỔNG	NỮ	A	B	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
25	18T4-ĐCN2	32		25	7	0	0,00	0	0,00	1	3,13	23	71,88	8	25,00	Lê Thị Hà Giang
26	18T4-ĐĐT1	57		42	15	0	0,00	0	0,00	1	1,75	48	84,21	8	14,04	Nguyễn Văn Yên
27	18T4-KML1	41		35	6	0	0,00	0	0,00	7	17,07	29	70,73	5	12,20	Nguyễn Vũ Xuân Thi
28	18T4-CKC1	38		28	10	0	0,00	0	0,00	2	5,26	30	78,95	6	15,79	Nguyễn Phương Hà
29	18T4-CCK2	36		30	6	0	0,00	1	2,78	3	8,33	28	77,78	4	11,11	Nguyễn Trung Dũng
30	18T4-CNÔ2	54		41	13	0	0,00	1	1,85	1	1,85	43	79,63	9	16,67	Hoàng Thị Trang
31	18T4-CNÔ3	50		37	13	0	0,00	0	0,00	1	2,00	44	88,00	5	10,00	Nguyễn Văn Hậu
32	18T4-CNÔ6	36		24	12	0	0,00	0	0,00	5	13,89	27	75,00	4	11,11	Phạm Thị Vinh
33	18T4-CNM1	60	50	51	9	0	0,00	0	0,00	3	5,00	48	80,00	9	15,00	Bùi Thị Ngọc Sương
34	18T4-CMT1	34		29	5	0	0,00	0	0,00	1	2,94	26	76,47	7	20,59	Nguyễn Thị Tuyết
35	18T4-THU1	37	8	28	9	0	0,00	0	0,00	3	8,11	29	78,38	5	13,51	Cao Xuân Giang
36	18T4-THU2	32	4	29	3	0	0,00	4	12,50	1	3,13	23	71,88	4	12,50	Bùi Đức Phước
37	18T4-LTM2	43	4	34	9	0	0,00	0	0,00	6	13,95	24	55,81	13	30,23	Võ Thị Kim Thư
38	18T4-QTM1	60	2	54	6	0	0,00	0	0,00	3	5,00	48	80,00	9	15,00	Lê Phi Trường
39	18T4-TCĐ1	19	9	16	3	0	0,00	1	5,26	5	26,32	10	52,63	3	15,79	Phạm Thị Gia Tâm
40	18T4-KTD1	69	55	50	19	0	0,00	0	0,00	11	15,94	44	63,77	14	20,29	Trần Thị Ngọc Dung
41	18T4-NNA1	53	30	48	5	0	0,00	0	0,00	3	5,66	41	77,36	9	16,98	Nguyễn Thị Thu Hà
42	18T4-NNA3	54	31	45	9	0	0,00	0	0,00	1	1,85	43	79,63	10	18,52	Nguyễn Thị Nhuận
43	18T2-CNÔ1	53	2	20	33	0	0,00	1	1,89	4	7,55	42	79,25	6	11,32	Nguyễn Thị Thuỳ
TỔNG		53	2	20	33	0	0,00	1	1,89	4	7,55	42	79,25	6	11,32	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

P.TRƯỞNG PHÒNG CTCT-HSSV



Lê Xuân Thiện

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc